

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

MÃ SỐ: 9310102

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2102/QĐ-ĐHKT, ngày 21 tháng 6 năm 2023 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học kinh tế - ĐHQGHN)

## PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
  - + Tên tiếng Việt: Kinh tế chính trị
  - + Tên tiếng Anh: Political Economy
- Tên ngành đào tạo: Kinh tế chính trị
  - + Tên tiếng Việt: Kinh tế chính trị
  - + Tên tiếng Anh: Political Economy
- Mã số ngành đào tạo: 9310102
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Thời gian đào tạo chuẩn: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 04 năm đối với người chưa có bằng thạc sĩ
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
  - + Tên tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Kinh tế chính trị
  - + Tên tiếng Anh: The Degree of Doctor of Political Economy
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

#### 2.1. Mục tiêu chung

- Chương trình được thiết kế nhằm đào tạo tiến sỹ kinh tế chính trị có hiểu biết và kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị học hiện đại, có cách tiếp cận mới đối với các vấn đề kinh tế chính trị hiện thực; có phương pháp tư duy sáng tạo, độc lập, có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề mới dưới góc nhìn kinh tế chính trị.

- Sau khi hoàn thành chương trình tiến sỹ kinh tế chính trị có thể làm công tác giảng dạy, nghiên cứu Kinh tế chính trị ở các trường đại học, các viện nghiên cứu kinh tế, làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, các tổ chức chính trị, xã hội trong và ngoài nước.

## 2.2. Mục tiêu cụ thể

Ký hiệu mục tiêu	Nội dung chi tiết
PO1	Hiểu biết chuyên sâu về kinh tế và kinh tế chính trị hiện đại
PO2	Có khả năng lập luận, phân tích và nghiên cứu độc lập, hình thành phương pháp tư duy sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế chính trị
PO3	Có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá sự tương tác giữa các nhân tố trong lĩnh vực kinh tế chính trị
PO4	Đưa ra cách tiếp cận mới, cách lý giải mới; có khả năng viết và thuyết trình một cách khoa học, chuyên nghiệp các nghiên cứu về kinh tế chính trị
PO5	Vận dụng được những tri thức và phương pháp nghiên cứu của ngành/lĩnh vực để tham gia giải quyết những vấn đề kinh tế ở tầm vi mô và vĩ mô ở trong nước và quốc tế
PO6	Có năng lực dẫn dắt chuyên môn và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch trong quản lý và hoạt động chuyên môn

## 3. Thông tin tuyển sinh

### 3.1. Hình thức tuyển sinh

Xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

### 3.2. Đối tượng tuyển sinh

#### 3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

- + Có bằng đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành Kinh tế chính trị.
- + Có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành Kinh tế chính trị hoặc ngành/chuyên ngành phù hợp với ngành Kinh tế chính trị.

\* Trong trường hợp người dự tuyển có bằng đại học hoặc thạc sĩ phù hợp với ngành dự tuyển về chuyên môn nhưng không được quy định trong Danh mục giáo dục, đào tạo

đại học, thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì điều kiện hợp lệ về văn bằng của người dự tuyển sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định và có báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội.

\* Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

### *3.2.2. Yêu cầu về kinh nghiệm nghiên cứu*

Trong thời hạn 36 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

### *3.2.3. Yêu cầu về năng lực ngoại ngữ*

Người dự tuyển phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội chấp nhận.

### *3.2.4. Yêu cầu về thâm niên công tác*

Người dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế chính trị cần có ít nhất 02 năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày đăng ký dự thi).

### *3.2.5. Các yêu cầu khác*

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

### **3.3. Danh mục các ngành/chuyên ngành phù hợp**

#### **3.3.1. Văn bằng cử nhân**

<b>STT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Ngành/Chuyên ngành</b>	<b>Ghi chú</b>
1	7310102	Kinh tế chính trị	

#### **3.3.2. Văn bằng thạc sĩ**

*Danh mục ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức:*

<b>STT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Ngành/Chuyên ngành</b>	<b>Ghi chú</b>
1	8310102	Kinh tế chính trị	

*Danh mục ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức:*

<b>STT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Ngành/Chuyên ngành</b>	<b>Ghi chú</b>
1	8310101	Kinh tế học	
2	8310104	Kinh tế đầu tư	
3	8310105	Kinh tế phát triển	
4	8310106	Kinh tế quốc tế	
5	8310107	Thống kê kinh tế	
6	8310108	Toán kinh tế	
7	8310110	Quản lý kinh tế	
8	8310201	Chính trị học	
9	8380107	Luật kinh tế	
10	8340201	Tài chính - Ngân hàng	

STT	Mã số	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
11	8340204	Bảo hiểm	
12	8340301	Kế toán	
13	8340121	Kinh doanh thương mại	
14	8340402	Chính sách công	
15	8340403	Quản lý công	
16	8340401	Khoa học quản lý	
17	8340101	Quản trị kinh doanh	
18	8340404	Quản trị nhân lực	
19	8340405	Hệ thống thông tin quản lý	
20	8340406	Quản trị văn phòng	
21	8340412	Quản lý khoa học và công nghệ	
22	8310105.01	Chính sách công và Phát triển	
23	Chuyên ngành thí điểm	Quản trị các tổ chức tài chính	
24	Chuyên ngành thí điểm	Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp	
25	Chuyên ngành thí điểm	Công nghệ tài chính	

3.4. Danh mục học phần bổ sung kiến thức cho đối tượng có bằng thạc sĩ ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức

STT	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Phân tích chính sách kinh tế xã hội nâng cao	3
2	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	3
3	Toàn cầu hoá và chính sách công	2
<b>Tổng số</b>		<b>8</b>

3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 7-15 nghiên cứu sinh/năm.

## **PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Về kiến thức**

- PLO1: Có kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu về kinh tế chính trị và kinh tế chính trị hiện đại;

- PLO2: Có kiến thức cốt lõi, nền tảng và cách tiếp cận đa chiều về các vấn đề cốt lõi của khoa học kinh tế chính trị và kinh tế chính trị hiện đại vào giải quyết các vấn đề của luận án và các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo;

- PLO3: Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, áp dụng được các kiến thức chuyên sâu, các lý thuyết mới về kinh tế chính trị vào thực tiễn;

- PLO4: Có năng lực dẫn dắt chuyên môn và đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch trong quản lý và hoạt động chuyên môn.

### **2. Về kỹ năng**

- PLO5: Có kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển.

- PLO6: Có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, biết cách tiếp cận đa chiều những vấn đề cốt lõi của khoa học kinh tế chính trị để lập luận, phân tích đánh giá, vận dụng vào thực tiễn công việc một cách sáng tạo;

- PLO7: Áp dụng thành thạo kỹ năng tư duy hệ thống, phương pháp liên ngành để suy luận, phân tích, đánh giá, dự báo, phản biện và tư vấn giải pháp cho các vấn đề kinh tế;

- PLO8: Thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ;

- PLO9: Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế về lĩnh vực kinh tế chính trị, và phổ biến các kết quả nghiên cứu dựa trên những luận cứ chuyên sâu về kinh tế chính trị.

### **3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- PLO10: Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị;

- PLO11: Đưa ra được những ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau;

- PLO12: Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích ứng với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn;

- PLO13: Đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ;

- PLO14: Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.

#### **4. Về vị trí làm việc của nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp**

##### ***Nhóm 1: Chuyên gia phân tích, tư vấn về kinh tế***

Tiến sĩ kinh tế chính trị có đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng và khả năng tư duy độc lập để có thể làm việc với tư cách là các chuyên gia có trình độ cao trong việc phân tích đánh giá, phản biện và tư vấn, hoạch định chính sách công ...; chuyên viên tư vấn giám sát việc triển khai các quyết định quản lý trong nhiều tổ chức kinh tế xã hội khác nhau bao gồm cả các tổ chức quốc tế.

##### ***Nhóm 2: Nghiên cứu viên và giảng viên kinh tế có trình độ cao***

Tiến sĩ kinh tế chính trị có khả năng tự nghiên cứu, có đủ năng lực chuyên môn để tham gia giảng dạy trong lĩnh vực ở các bậc học tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học khối ngành kinh tế; NCS sau khi tốt nghiệp tiến sĩ KTCT có thể học sau tiến sĩ để trở thành các chuyên gia phân tích, chuyên gia tư vấn cao cấp; các nhà lãnh đạo kinh tế, các giảng viên cao cấp về kinh tế chính trị.

#### **5. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo chuẩn đầu ra**

CHUẨN ĐẦU RA	MỤC TIÊU ĐÀO TẠO					
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
PLO1	x	x				
PLO2	x	x				
PLO3			x	x		
PLO4				x	x	
PLO5		x				
PLO6		x	x	x	x	
PLO7				x	x	x

CHUẨN ĐẦU RA	MỤC TIÊU ĐÀO TẠO					
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
PLO8					X	X
PLO9					X	X
PLO10			X	X		
PLO11				X	X	
PLO12					X	X
PLO13				X	X	X
PLO14					X	X
PLO15					X	X
PLO16						X



## PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

#### 1.1. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 90 tín chỉ, trong đó:

- Phần 1: Các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ: 10 tín chỉ
  - + Bắt buộc: 8 tín chỉ
  - + Tự chọn: 2 tín chỉ
- Phần 2: Các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan: 8 tín chỉ
  - + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ
  - + Chuyên đề tự chọn 1: 2 tín chỉ
  - + Chuyên đề tự chọn 2: 2 tín chỉ
  - + Chuyên đề tự chọn 3: 2 tín chỉ
- Phần 3: Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo*)
- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo)
- Phần 5: Luận án tiến sĩ: 72 tín chỉ

#### 1.2. Đối với nghiên cứu sinh có bằng cử nhân

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ (trừ học phần tiếng Anh B2 và Đề án tốt nghiệp) và các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ.

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 120 tín chỉ, trong đó:

- Phần 1: Các học phần bổ sung: 30 tín chỉ
  - + *Khối kiến thức chung*: 4 tín chỉ
  - + *Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành*: 26 tín chỉ
    - Bắt buộc: 22 tín chỉ
    - Tự chọn: 04/12 tín chỉ
- Phần 2: Các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ: 10 tín chỉ
  - Bắt buộc: 8 tín chỉ
  - Tự chọn: 2 tín chỉ
- Phần 3: Các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan: 8 tín chỉ
  - + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ

- + Chuyên đề tự chọn 1: 2 tín chỉ
- + Chuyên đề tự chọn 2: 2 tín chỉ
- + Chuyên đề tự chọn 3: 2 tín chỉ
- Phần 4: Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo*)
- Phần 5: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (*là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo*)
- Phần 6: Luận án tiến sĩ: 72 tín chỉ

## 2. Khung chương trình

### 2.1. Khung chương trình dành cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
<b>PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN TIỀN SĨ</b>			<b>10</b>				
<b>I. Bắt buộc</b>			<b>8</b>				
1	UEB8001	Thiết kế nghiên cứu luận án <i>Thesis research design</i>	3	30	15	0	
2	PEC8121	Phân tích kinh tế về các thể chế chính trị <i>Economic Analysis of Political Institutions</i>	3	30	15	0	
3	PEC 8002	Kinh tế chính trị hiện đại <i>Modern Political Economy</i>	2	20	10	0	
<b>II. Tự chọn</b>			<b>2/6</b>				
4	PEC8112	Hoạch định phát triển <i>Development Planning</i>	2	20	10	0	
5	PEC8131	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao <i>Advanced State Management on Economy</i>	2	20	10	0	
6	INE6004	Kinh tế thế giới hiện đại	2	20	10	0	

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
		Mordern world economy					
<b>PHẦN 2. CÁC CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN</b>			<b>8</b>				
7	PEC8003	Chuyên đề tự chọn 1 <i>Optional Topic 1</i>	2	0	0	30	
8	PEC8004	Chuyên đề tự chọn 2 <i>Optional Topic 2</i>	2	0	0	30	
9	PEC8005	Chuyên đề tự chọn 3 <i>Optional Topic 3</i>	2	0	0	30	
10	PEC8010	Tiểu luận tổng quan	2	0	0	30	
<b>PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b>							
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia đầy đủ các tại các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do Khoa/Viện/Trường tổ chức, quy định.</li> <li>- Tham gia hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.</li> <li>- Tham gia trực tiếp các đề tài nghiên cứu khoa học trong quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ, có liên quan đến đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh.</li> <li>- Báo cáo trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại hội thảo/tọa đàm/sinh hoạt chuyên đề do Khoa/Viện tổ chức.</li> <li>- Công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ) có tổng điểm đạt từ 2,0 trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (là tác giả chính, không chia điểm khi có đồng tác giả). Các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước phải thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm. Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);</li> <li>- Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành,</li> </ul> </li> </ul>							

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
<p>hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;</p> <p>- Có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.</p>							
<b>PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO</b>							
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo, tọa đàm cấp bộ môn/khoa tổ chức, quy định;</li> <li>- Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên thực hành, thực tập;</li> <li>- Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do Khoa/Viện/Trường tổ chức.</li> </ul>							
<b>PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ</b>			<b>72</b>				
<b>11</b>	<b>PEC9101</b>	<b>Luận án tiến sĩ</b>	<b>72</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1080</b>	
11.1	UEB8002	Báo cáo đề cương nghiên cứu	15	0	0	225	
11.2	UEB8003	Báo cáo cơ sở lý luận	5	0	0	75	
11.3	UEB8004	Báo cáo phương pháp nghiên cứu	7	0	0	105	
11.4	UEB8005	Báo cáo kết quả nghiên cứu và thảo luận	15	0	0	225	
11.5	UEB8006	Báo cáo tổng thể luận án cấp chuyên môn	15	0	0	225	
11.6	UEB8007	Báo cáo luận án cấp cuối cùng	15	0	0	225	
<b>Tổng cộng</b>			<b>90</b>				

**Lưu ý:**

- Trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có thể yêu cầu NCS học bổ sung những học phần cần thiết trong hoặc ngoài đơn vị đào tạo giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn thực hiện luận án. Các học phần bổ sung này do tiêu ban chuyên môn và cán bộ hướng dẫn đề nghị.

- Cán bộ hướng dẫn có thể đề nghị Hiệu trưởng quyết định thay thế một số học phần trong chương trình đào tạo bằng các học phần khác, hoặc bổ sung thêm một số học phần ngoài CTĐT cần thiết cho luận án của NCS.

## 2.2. Khung chương trình dành cho nghiên cứu sinh có bằng cử nhân

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
<b>PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG</b>			<b>30</b>				
<b>I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG</b>			<b>4</b>				
1	PHI 5003	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
<b>II. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>26</b>				
<b>II.1 Các học phần bắt buộc</b>			<b>22</b>				
2	INE 6005	Lý thuyết kinh tế vi mô <i>Microeconomic Theory</i>	2	20	10	0	
3	INE 6003	Lý thuyết kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomic Theory</i>	2	20	10	0	
4	PEC 6004	Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao <i>Intermediate History of Economic Doctrines</i>	3	30	15	0	
5	PEC 6006	Kinh tế chính trị của sự phát triển <i>Political Economy of Development</i>	3	30	15	0	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
6	PEC 6214	Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người <i>Economic Growth and Human Development</i>	3	30	15	0	
7	PEC 6039	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội nâng cao <i>Advanced Socio-Economic Policy Analysis</i>	3	30	15	0	
8	PEC 6218	Toàn cầu hóa và kinh tế chính trị quốc tế <i>Globalisation and International Political Economy</i>	3	30	15	0	
9	PEC 6119	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển <i>Poverty, Inequality and Government in Less Developed Countries</i>	3	30	15	0	
<b>II.2 Các học phần tự chọn</b>			<b>4/12</b>				
10	PEC 6001	Chính trị và phát triển <i>Politics &amp; Development</i>	2	20	10	0	
11	INE 6015	Môi trường và phát triển <i>Environment and Development</i>	2	20	10	0	
12	PEC 6011	Tăng trưởng, phát triển và sự chuyển đổi kinh tế <i>Growth, Development &amp; Economic Transformation</i>	2	20	10	0	
13	PEC 6024	Toàn cầu hóa và chính sách công <i>Globalisation and Public Policy</i>	2	20	10	0	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
14	PEC 6052	Thị trường toàn cầu và khủng hoảng tài chính <i>Global Market and Financial Crisis</i>	2	20	10	0	
15	PEC 6121	Quản lý sự thay đổi <i>Change management</i>	2	20	10	0	
<b>PHẦN 2: CÁC HỌC PHẦN TIẾN SĨ</b>							
<b>Các học phần tiến sĩ</b>			<b>10</b>				
<b>I. Bắt buộc</b>			<b>8</b>				
16	UEB8001	Thiết kế nghiên cứu luận án <i>Thesis research design</i>	3	30	15	0	
17	PEC8121	Phân tích kinh tế về các thể chế chính trị <i>Economic Analysis of Political Institutions</i>	3	30	15	0	
18	PEC 8002	Kinh tế chính trị hiện đại <i>Modern Political Economy</i>	2	20	10	0	
<b>II. Tự chọn</b>			<b>2/6</b>				
TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
19	PEC8112	Hoạch định phát triển <i>Development Planning</i>	2	20	10	0	
20	PEC8131	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao <i>Advanced State Management on Economy</i>	2	20	10	0	

21	INE6004	Kinh tế thế giới hiện đại Mordern world economy	2	20	10	0	
<b>PHẦN 3: CÁC CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN</b>			<b>8</b>				
22	PEC8003	Chuyên đề tự chọn 1 <i>Optional topic 1</i>	2	0	0	30	
23	PEC8004	Chuyên đề tự chọn 2 <i>Optional topic 2</i>	2	0	0	30	
24	PEC8005	Chuyên đề tự chọn 3 <i>Optional topic 3</i>	2	0	0	30	
25	PEC8010	Tiểu luận tổng quan	2	0	0	30	

#### PHẦN 4. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Tham gia đầy đủ các tại các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do Khoa/Viện/Trường tổ chức, quy định.
- Tham gia hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.
- Tham gia trực tiếp các đề tài nghiên cứu khoa học trong quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ, có liên quan đến đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh.
- Báo cáo trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại hội thảo/tọa đàm/sinh hoạt chuyên đề do Khoa/Viện tổ chức.
- Công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ) có tổng điểm đạt từ 2,0 trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (là tác giả chính, không chia điểm khi có đồng tác giả). Các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước phải thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm. Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:
  - Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);
  - Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;
  - Có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có



mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

#### **PHẦN 5. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO**

- Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo, tọa đàm cấp bộ môn/khoa tổ chức, quy định;
- Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên thực hành, thực tập;
- Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do Khoa/Viện/Trường tổ chức.

<b>PHẦN 6. LUẬN ÁN TIẾN SĨ</b>			<b>72</b>				
<b>26</b>	<b>PEC9101</b>	<b>Luận án tiến sĩ</b>	<b>72</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1080</b>	
26.1	UEB8002	Báo cáo đề cương nghiên cứu	15	0	0	225	
26.2	UEB8003	Báo cáo cơ sở lý luận	5	0	0	75	
26.3	UEB8004	Báo cáo phương pháp nghiên cứu	7	0	0	105	
26.4	UEB8005	Báo cáo kết quả nghiên cứu và thảo luận	15	0	0	225	
26.5	UEB8006	Báo cáo tổng thể luận án cấp chuyên môn	15	0	0	225	
26.6	UEB8007	Báo cáo luận án cấp cuối cùng	15	0	0	225	
<b>Tổng cộng</b>			<b>130</b>				

#### **Lưu ý:**

- Trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có thể yêu cầu NCS học bổ sung những học phần cần thiết trong hoặc ngoài đơn vị đào tạo giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn thực hiện luận án. Các học phần bổ sung này do tiểu ban chuyên môn và cán bộ hướng dẫn đề nghị.

- Cán bộ hướng dẫn có thể đề nghị Hiệu trưởng quyết định thay thế một số học phần trong chương trình đào tạo bằng các học phần khác, hoặc bổ sung thêm một số học phần ngoài CTĐT cần thiết cho luận án của NCS.

### 2.3. Ma trận đóng góp của các học phần trong chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra của chương trình

Mã học phần	Học phần	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14
UEB8001	Thiết kế nghiên cứu luận án			3		4	4	4		3	3	4		3	4
PEC8001	Phân tích kinh tế về các thể chế chính trị	3	3	4	4	3	4	4		3	4	3	4	3	4
PEC8002	Kinh tế chính trị hiện đại	4	4	4	4	4	4	4		3	4	4	4	4	4
PEC8012	Hoạch định phát triển	3	3	4	4	4	4	4		3	4	3	4	4	3
PEC8011	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao	3	3	4	4	4	4	4		3	4	3	3	3	4
INE8014	Kinh tế thế giới hiện đại	4	4	4	4	4	4	4		4	4	3	3	4	4
PEC8003	Chuyên đề tự chọn 1	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4

Mã học phần	Học phần	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14
PEC8004	Chuyên đề tự chọn 2	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
PEC8005	Chuyên đề tự chọn 3	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
PEC8010	Tiểu luận tổng quan	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
PEC9101	Luận án tiến sĩ	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4

**Ghi chú:** Đối với học phần bổ sung cho NCS có bằng cử nhân, ma trận đóng góp của từng học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đáp ứng ma trận đóng góp của từng học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ tương ứng.